

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Xây dựng Khu tái định cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4528/STNMT-CCBVMT ngày 05/12/2024 của Sở Tài
nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Xây dựng Khu tái định cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ
của Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1471/TTr-
STNMT ngày 13/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Xây dựng Khu tái định cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ (sau đây gọi là Dự
án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là
Chủ dự án) thực hiện tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với các nội
dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo
vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm
2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT (đề b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Thành;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VĨNH LỢI, HUYỆN PHÙ MỸ CỦA BAN
QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Xây dựng Khu tái định cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ.
- Địa điểm thực hiện: xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh.
- Địa chỉ: Số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

- Tổng diện tích của Dự án: 6,21 ha
- Quy mô: gồm 226 lô, dân số khoảng 904 người.
- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở tái định cư (226 lô)	22.765,00	36,68
2	Đất cây xanh	2.215,00	3,57
3	Đất giao thông và vỉa hè	34.500,00	55,57
4	Đất Khu xử lý nước thải	2.600,00	4,18
Tổng diện tích quy hoạch		62.100,00	100,00

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: san nền (6,21 ha), bố trí 226 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 22.765,00 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, hệ thống cấp nước và PCCC, hệ thống cây xanh cảnh quan.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

– Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

– Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm đặt ở góc phía Tây Nam của dự án (đặt ngầm) để xử lý nước thải, đảm bảo khoảng cách

an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, có thiết bị xử lý mùi hôi.

- 01 nhà vệ sinh di động; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo theo quy định.

- Bố trí 01 lán trại trong giai đoạn xây dựng.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 2.215 m².

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng, bóc đất phong hóa và phá dỡ các công trình hiện trạng.

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Hoạt động của người dân khi đưa vào vận hành dự án.

1.3.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu phục vụ thi công Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 02 vụ với diện tích khoảng 0,93 ha và chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích khoảng 1,3 ha.

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: Hoạt động phát quang, phá dỡ công trình hiện trạng, chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ ảnh hưởng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt; hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường nội bộ và tuyến đường kết nối dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải;...

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 6,21 ha, ảnh hưởng đến đời sống và sinh kế của người dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

– Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

– Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát...

– Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

b) Giai đoạn hoạt động

– Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân của dự án và khu dân cư hiện trạng phát sinh với tổng lưu lượng khoảng 74,56 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi từ quá trình đào đắp; san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ các máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,.... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

– Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 124,6 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

– Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh (sinh khối thực vật) với khối lượng khoảng 4,07 m³. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

– Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 1.532,2m³.

– Chất thải rắn từ quá trình thi công, xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 18,63 – 31,05 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông,...

– Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 27,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 620 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 20 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 3,1 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bình xịt côn trùng...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi, xe lu rung; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào dự án; hoạt động xây dựng công trình dân dụng của người dân khu vực.

3.4. Các tác động khác

– Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

– Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất chuyên trồng lúa tác động đến sinh kế của người dân.

– Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực Dự án.

– Việc hình thành Dự án tập trung đông dân cư có khả năng mất an ninh, trật tự tại địa phương.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

– Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng 01 nhà vệ sinh di động có dung tích khoảng 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

– Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

– Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, sau đó được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

– Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt. Dọc theo các đường nội bộ thiết kế tuyến cống BTCT D600 – D1500 để thu gom nước mưa sau đó chảy về tuyến cống BTCT D1800 trên tuyến đường N8 dẫn xả ra đầm Đê Gi ở phía Tây Dự án.

– Ngoài ra, tại vị trí tiếp giáp giữa tuyến đường N8 và tuyến đường bê tông liên thôn Xuân Bình – Vĩnh Lợi bố trí 02 cống BTCT D600 để thu gom nước mặt cho Khu dân cư hiện trạng phía Tây Dự án dẫn về hệ thống tuyến thoát nước mưa của dự án, sau đó xả ra đầm Đê Gi.

– Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Trong giai đoạn đầu, nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom bằng đường ống HDPE D225 – D315 dọc theo các tuyến đường nội bộ, dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Dự án với công suất 100 m³/ngày.đêm (02 module, mỗi module công suất 50 m³/ngày.đêm; vật liệu composite hợp khối) đặt tại khu vực phía Tây Nam dự án. Nước thải sau

xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1). Nước thải sau xử lý, được dẫn theo đường ống HDPE D315 xả ra đầm Đê Gi ở phía Tây dự án. Tọa độ điểm xả: X = 1.565.934; Y = 601.056, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiều 3⁰.

+ Công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân) → Bể thu gom → Ngăn điều hoà → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Bể đối chứng → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1).

+ Về lâu dài: khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung theo quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Lợi được xây dựng hoàn thiện, nước thải của Dự án sẽ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của khu vực, đảm bảo tính kết nối đồng bộ về hạ tầng theo Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và dân cư Vĩnh Lợi, huyện Phù Mỹ.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường; chờ đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu được bố trí ở phía Đông Nam Dự án: che chắn bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa vật liệu dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh các tuyến đường nội bộ.

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Trồng cây xanh đảm bảo theo quy hoạch, nhất là cây xanh cách ly xung quanh khu đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

– Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

– Chất thải rắn xây dựng:

+ Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đắp vào diện tích cây xanh của dự án, không vận chuyển đổ thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

+ Khối lượng đất bóc tầng đất mặt đối với diện tích lúa 02 vụ sẽ lập phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Người dân tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

Thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

– Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05m² tại công trường theo đúng quy định.

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Người dân thu gom, phân loại và lưu giữ theo hướng dẫn của cơ quan chức năng và chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi qua khu vực dân cư phải giảm tốc độ, không chở quá tải và hạn chế bóp còi vào giờ cao điểm.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình thi công xây dựng Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân; ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người dân bị giải tỏa thực hiện dự án được lựa chọn các vị trí thuận lợi tại nơi

ở cũ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.4.2. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn giao thông

– Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công để hạn chế tối đa các khả năng xảy ra sự cố tai nạn giao thông, có người điều tiết giao thông vào giờ cao điểm.

– Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo kế hoạch và thời gian thi công của Dự án để người dân xung quanh biết theo dõi và giám sát.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thi công các hệ thống mương thoát nước tại các vị trí tiếp giáp khu dân cư hiện trạng trước khi tiến hành san nền; thường xuyên kiểm tra, khơi thông dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Giám sát không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng

– Vị trí giám sát: Khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Tây Dự án, (tọa độ: X=1.565.983; Y= 601.105, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰)

– Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.

– Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

– Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

– Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn

và chất thải nguy hại phát sinh.

– Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

– Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

– Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới khu vực thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

– Niêm yết công khai kế hoạch thi công, các giải pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công và công tác xử lý nước thải để người dân theo dõi, giám sát.

– Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

– Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

– Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, giảm thiểu tác động đến hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực thực hiện Dự án.

– Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.